

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH SÓC TRĂNG

Số: 35/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sóc Trăng, ngày 15 tháng 5 năm 2025

## NGHỊ QUYẾT

Về ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 33 (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét Tờ trình số 141/TTr-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về dự thảo Nghị quyết ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

(Chi tiết theo 12 Phụ lục đính kèm).

### **Điều 2.**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng Khóa X, Kỳ họp thứ 33 (chuyên đề) thông qua ngày 15 tháng 5 năm 2025./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- TT.TU, TT.HĐND, TT. UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Sóc Trăng;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.



**CHỦ TỊCH**

**Hồ Thị Cẩm Đào**



## Phụ lục I

# DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC ĐÀO TẠO, TỈNH SÓC TRĂNG

(Kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh  
Sóc Trăng)

| STT      | Tên dịch vụ sự nghiệp công                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b> | <b>Dịch vụ giáo dục mầm non và phổ thông</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 1        | Dịch vụ giáo dục mầm non                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|          | Các dịch vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em từ 3 tháng đến 06 tuổi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| -        | Dịch vụ chăm sóc dinh dưỡng; chăm sóc giấc ngủ; chăm sóc vệ sinh; chăm sóc sức khỏe và bảo vệ an toàn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| -        | Hoạt động chơi; hoạt động học; hoạt động lao động; hoạt động ngày hội, ngày lễ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| -        | Hoạt động tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em cho các cha mẹ trẻ và cộng đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| -        | Hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật trong nhà trường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 2        | Dịch vụ giáo dục phổ thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 2.1      | Giáo dục tiểu học được thực hiện trong 05 năm học, từ lớp 1 đến lớp 5                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| -        | Hoạt động giáo dục trải nghiệm bao gồm: Hoạt động vui chơi, thể dục thể thao, tham quan du lịch, giao lưu văn hóa; các hoạt động xã hội khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| -        | Hoạt động dạy học các môn học bắt buộc và tự chọn trong Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 2.2      | Giáo dục trung học cơ sở được thực hiện trong 04 năm học, từ lớp 6 đến lớp 9. Học sinh vào học lớp 6 phải hoàn thành chương trình tiểu học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| -        | Hoạt động giáo dục trong giờ lên lớp được tiến hành thông qua việc dạy học các môn học bắt buộc và tự chọn trong chương trình giáo dục của cấp học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| -        | Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp bao gồm: Các hoạt động ngoại khóa về khoa học, văn học, nghệ thuật, thể dục thể thao, an toàn giao thông, phòng chống tệ nạn xã hội, giáo dục giới tính, giáo dục pháp luật, giáo dục hướng nghiệp, giáo dục kỹ năng sống nhằm phát triển toàn diện và bồi dưỡng năng khiếu; các hoạt động vui chơi, tham quan, du lịch, giao lưu văn hóa, giáo dục môi trường; hoạt động từ thiện và các hoạt động xã hội khác phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh |

| STT        | Tên dịch vụ sự nghiệp công                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2.3        | Giáo dục trung học phổ thông được thực hiện trong 03 năm học, từ lớp 10 đến lớp 12. Học sinh vào học lớp 10 phải hoàn thành chương trình trung học cơ sở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| -          | Hoạt động giáo dục trong giờ lên lớp được tiến hành thông qua việc dạy học các môn học bắt buộc và tự chọn trong chương trình giáo dục của cấp học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| -          | Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp bao gồm các hoạt động ngoại khóa về khoa học, văn học, nghệ thuật, thể dục thể thao, an toàn giao thông, phòng chống tệ nạn xã hội, giáo dục giới tính, giáo dục pháp luật, giáo dục hướng nghiệp, giáo dục kỹ năng sống nhằm phát triển toàn diện và bồi dưỡng năng khiếu; các hoạt động vui chơi, tham quan, du lịch, giao lưu văn hóa, giáo dục môi trường; hoạt động từ thiện và các hoạt động xã hội khác phù hợp với tâm lý lứa tuổi học sinh |
| 2.4        | Giáo dục chuyên biệt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| -          | Hoạt động giáo dục trong trường Phổ thông dân tộc nội trú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| -          | Hoạt động giáo dục trong trường Nuôi dạy trẻ khuyết tật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| <b>II</b>  | <b>Dịch vụ giáo dục trung cấp sư phạm và cao đẳng sư phạm</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 1          | Hoạt động giảng dạy lý thuyết và thực hành ở trên lớp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 2          | Tổ chức thực tập, thực tập, nghiên cứu khoa học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 3          | Các hoạt động ngoại khóa bao gồm: Tham quan học tập, sinh hoạt câu lạc bộ, tìm hiểu về chuyên ngành và các hoạt động khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| <b>III</b> | <b>Dịch vụ giáo dục thường xuyên</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 1          | Chương trình xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 2          | Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông dành riêng cho các đối tượng được hưởng chính sách xã hội, người tàn tật, khuyết tật theo kế hoạch hằng năm của địa phương                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 3          | Chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 4          | Chương trình đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ, bao gồm: Chương trình bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học ứng dụng, công nghệ thông tin - truyền thông; chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn; chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ; chương trình dạy tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức công tác tại vùng dân tộc theo kế hoạch hằng năm của địa phương                                                          |
| 5          | Chương trình dạy và thực hành kỹ thuật nghề nghiệp, các hoạt động lao động sản xuất và các hoạt động khác phục vụ học tập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| <b>IV</b>  | <b>Dịch vụ giáo dục đào tạo khác</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

| STT | Tên dịch vụ sự nghiệp công                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Kiểm định chất lượng giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 2   | Cấp phát các loại phôi văn bằng, chứng chỉ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 3   | Công nhận văn bằng, chứng chỉ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 4   | Bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; bồi dưỡng kiến thức                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 5   | Hỗ trợ đào tạo, cung ứng nguồn nhân lực thông qua việc nghiên cứu xây dựng chiến lược, chính sách, quy hoạch, kế hoạch về đào tạo nhân lực theo nhu cầu xã hội; điều tra, phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực thông qua việc kết nối cơ sở đào tạo với đơn vị sử dụng lao động nhằm khai thác các nguồn lực cho hoạt động đào tạo phát triển nguồn nhân lực |
| 6   | Tư vấn cho các tổ chức, cá nhân xây dựng kế hoạch, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, tham gia bồi dưỡng phát triển các kỹ năng cần thiết cho học sinh, sinh viên                                                                                                                                                                                          |



## Phụ lục II

# H MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC SỰ NGHIỆP Y TẾ - DÂN SỐ, TỈNH SÓC TRĂNG

(Kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

| STT       | Tên dịch vụ sự nghiệp công                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Dịch vụ y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu</b>                                                                                                                                                                                                                  |
| 1         | Dịch vụ tiêm chủng mở rộng đối với trẻ em, phụ nữ tuổi sinh đẻ, phụ nữ có thai phải sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế bắt buộc đối với các bệnh truyền nhiễm thuộc Chương trình tiêm chủng mở rộng                                                                           |
| 2         | Dịch vụ tiêm chủng đối với người có nguy cơ mắc bệnh truyền nhiễm tại vùng có dịch bắt buộc phải sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế đối với các bệnh có vắc xin, sinh phẩm y tế phòng bệnh theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ                                            |
| 3         | Dịch vụ tiêm chủng đối với người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cử đến vùng có dịch                                                                                                                                                                                   |
| 4         | Các dịch vụ phục vụ công tác giám sát, điều tra, xác minh dịch                                                                                                                                                                                                             |
| 5         | Các dịch vụ xử lý y tế (thực hiện các biện pháp sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế, cách ly y tế, tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh truyền nhiễm, trung gian truyền bệnh và các biện pháp y tế khác) để cắt đứt nguồn lây tại khu vực nơi có người bệnh hoặc ổ dịch truyền nhiễm |
| 6         | Quản lý, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú                                                                                                                                                                                                       |
| 7         | Các dịch vụ phục vụ công tác kiểm tra, giám sát các điều kiện về vệ sinh lao động; môi trường làm việc của người lao động; phòng, chống bệnh nghề nghiệp; phòng, chống tai nạn thương tích; xử lý chất thải gây ô nhiễm môi trường                                         |
| 8         | Các dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng                                                                                                                                                                                                                                  |
| 9         | Các dịch vụ về khám, theo dõi sức khỏe định kỳ cho trẻ em và phụ nữ mang thai; chăm sóc sức khỏe ban đầu; tư vấn, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục phù hợp với độ tuổi trẻ em                                                                                 |
| <b>II</b> | <b>Dịch vụ khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng</b>                                                                                                                                                                                                                         |
| 1         | Chăm sóc, nuôi dưỡng, điều trị người bệnh phong, tâm thần, HIV/AIDS giai đoạn cuối tại các cơ sở y tế công lập                                                                                                                                                             |
| 2         | Khám và điều trị người mắc bệnh dịch thuộc nhóm A và một số bệnh thuộc nhóm B đang lưu trú tại vùng có dịch bệnh, người đang bị áp dụng các biện pháp cách ly y tế nhưng có dấu hiệu tiến triển thành mắc bệnh truyền nhiễm theo quy định của Chính phủ                    |

| STT        | Tên dịch vụ sự nghiệp công                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3          | Cấp cứu, điều trị người bị thiên tai, thảm họa theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh                                                                                                                                                                        |
| 4          | Khám và điều trị ARV cho người nhiễm HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con                                                                                                                                                                                                            |
| 5          | Khám sức khỏe, chi phí điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện cho các đối tượng tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện trong cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng, trại giam, trại tạm giam                                                                                                    |
| 6          | Khám và điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế Methadone cho một số đối tượng theo quy định của pháp luật                                                                                                                                                                   |
| 7          | Khám và điều trị bệnh lao theo quy định của pháp luật                                                                                                                                                                                                                                              |
| 8          | Các dịch vụ khám, chữa bệnh trong trường hợp chưa tính đủ chi phí để thực hiện dịch vụ, nhà nước phải bảo đảm các chi phí chưa tính trong giá dịch vụ                                                                                                                                              |
| <b>III</b> | <b>Dịch vụ kiểm nghiệm, kiểm định</b>                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 1          | Các dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, an toàn thực phẩm, kiểm định vắc xin, sinh phẩm y tế (bao gồm cả chi phí mua, vận chuyển, bảo quản mẫu) theo quyết định của cấp có thẩm quyền để phục vụ công tác quản lý nhà nước (thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng sản phẩm, hàng hóa) |
| 2          | Các dịch vụ kiểm định, giám định, đánh giá trang thiết bị y tế, chất lượng dịch vụ y tế theo quyết định của cấp có thẩm quyền                                                                                                                                                                      |
| <b>IV</b>  | <b>Dịch vụ giám định</b>                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 1          | Các dịch vụ giám định y khoa                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 2          | Các dịch vụ giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần                                                                                                                                                                                                                                            |
| <b>V</b>   | <b>Dịch vụ y tế khác</b>                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 1          | Các dịch vụ phục vụ công tác phòng, chống các bệnh lây nhiễm, bệnh không lây nhiễm và bệnh tật học đường                                                                                                                                                                                           |
| 2          | Cung cấp dinh dưỡng và thực phẩm cho một số đối tượng theo quyết định của cấp có thẩm quyền                                                                                                                                                                                                        |
| 3          | Các dịch vụ chăm sóc sức khỏe phụ nữ có thai cho một số đối tượng thuộc Chương trình mục tiêu y tế - dân số theo quy định của Bộ Y tế                                                                                                                                                              |
| 4          | Các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, cung cấp các phương tiện tránh thai cho một số đối tượng thuộc Chương trình mục tiêu y tế - dân số theo quy định của Bộ Y tế                                                                                                                                    |
| 5          | Tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân cho một số đối tượng có nguy cơ theo quy định của Bộ Y tế                                                                                                                                                                                                      |
| 6          | Các dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh cho một số đối tượng thuộc Chương trình mục tiêu y tế - dân số theo quy định của Bộ Y tế                                                                                                                                                     |

| STT | Tên dịch vụ sự nghiệp công                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 7   | Dịch vụ truyền thông, giáo dục sức khỏe về: Phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm và bệnh chưa rõ nguyên nhân; phòng, chống bệnh nghề nghiệp; phòng, chống tai nạn thương tích; nâng cao sức khỏe; dinh dưỡng cộng đồng; an toàn thực phẩm và các yếu tố có hại đến sức khỏe và môi trường sống; sức khỏe trường học và phòng, chống bệnh tật học đường |
| 8   | Các dịch vụ truyền thông, giáo dục, tư vấn nâng cao nhận thức của người dân về công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, nâng cao chất lượng dân số, giảm tỷ lệ chênh lệch giới tính khi sinh, tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, giảm tỷ lệ người chưa thành niên, thanh niên mang thai ngoài ý muốn                                                                      |
| 9   | Các dịch vụ về chỉ đạo tuyển, nâng cao năng lực cho tuyển dưới                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 10  | Các dịch vụ phục vụ sinh hoạt của người đang bị áp dụng các biện pháp cách ly y tế nhưng có dấu hiệu tiến triển thành mắc bệnh truyền nhiễm theo quy định của Chính phủ                                                                                                                                                                                                     |
| 11  | Dịch vụ điều chế máu và các chế phẩm máu trong khi chưa được tính đủ chi phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 12  | Các dịch vụ phục vụ việc điều phối về hiến, lấy và ghép mô, bộ phận cơ thể người giữa ngân hàng mô và cơ sở y tế                                                                                                                                                                                                                                                            |



**Phụ lục III**

**DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC  
THUỘC LĨNH VỰC SỰ NGHIỆP THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG, TỈNH SÓC  
TRĂNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh  
Sóc Trăng)*

| STT      | Tên dịch vụ sự nghiệp công                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b> | <b>BÁO CHÍ, TRUYỀN THÔNG, XUẤT BẢN, THÔNG TIN CƠ SỞ</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 1        | Lĩnh vực báo chí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| a        | <p>Dịch vụ báo chí tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, an ninh, quốc phòng, thông tin đối ngoại, phục vụ thiếu niên, nhi đồng, người khiếm thính, khiếm thị, đồng bào vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo và các nhiệm vụ trọng yếu khác phù hợp với từng giai đoạn theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, bao gồm các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Sản xuất các tác phẩm báo chí; chương trình phát thanh, truyền hình.</li><li>- In, phát hành (đối với báo in, tạp chí in); đăng tải lên Internet không khóa mã (đối với báo điện tử, tạp chí điện tử).</li><li>- Truyền dẫn, phát sóng và truyền tải đối với các kênh phát thanh, kênh truyền hình quảng bá phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và địa phương trên các hạ tầng truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình mặt đất, vệ tinh, mạng Internet (Không sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện nội dung dịch vụ này đối với: Loại hình trả tiền; cung cấp dịch vụ của cơ quan báo nói, báo hình đã được đảm bảo nguồn kinh phí truyền dẫn, phát sóng, truyền tải theo quy định của pháp luật).</li></ul> |
| b        | <p>Dịch vụ sản xuất nội dung và đăng, phát thông tin phục vụ nhiệm vụ chính trị, truyền thông chính sách của các cơ quan báo chí trên nền tảng số, mạng xã hội và trang thông tin điện tử.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 2        | Lĩnh vực xuất bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|          | <p>Tổ chức bản thảo và xuất bản tác phẩm, tài liệu phục vụ nhiệm vụ chính trị, an ninh, quốc phòng, thông tin đối ngoại, phục vụ đồng bào vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo, thiếu niên, nhi đồng, người khiếm thính, khiếm thị và các nhiệm vụ trọng yếu khác; bao gồm các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Tổ chức bản thảo (bản mẫu), biên tập nội dung theo quy trình xuất bản.</li><li>- In, phát hành (đối với xuất bản phẩm in).</li><li>- Đăng tải lên Internet không khóa mã (đối với xuất bản phẩm điện tử).</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |

| STT        | Tên dịch vụ sự nghiệp công                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3          | Lĩnh vực thông tin cơ sở                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|            | Dịch vụ thông tin cơ sở cung cấp thông tin thiết yếu, phục vụ nhiệm vụ chính trị, an ninh, quốc phòng, bao gồm:                                                                                                                                                                                                                    |
| a          | Dịch vụ sản xuất, phát sóng các chương trình phát thanh do đài truyền thanh - truyền hình cấp huyện hoặc bộ phận chuyên biệt làm công tác thông tin cơ sở thuộc Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao, Trung tâm Truyền thông và Văn hóa hoặc Trung tâm có tên gọi khác “làm công tác thông tin cơ sở” của cấp huyện thực hiện. |
| b          | Dịch vụ sản xuất, phát hành bản tin Thông tin cơ sở.                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| c          | Dịch vụ sản xuất, phát hành tài liệu không kinh doanh hoạt động thông tin cơ sở.                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 4          | Lĩnh vực thông tin đối ngoại                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| a          | Dịch vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại, quảng bá hình ảnh Việt Nam, bao gồm: sản xuất sản phẩm và nội dung thông tin; in, phát hành, truyền dẫn, phát sóng và đăng phát trên mạng Internet.                                                                                                                                     |
| b          | Dịch vụ tổ chức và sản xuất nội dung thông tin đối ngoại; duy trì, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu lĩnh vực thông tin đối ngoại.                                                                                                                                                                                                 |
| c          | Dịch vụ tổ chức sự kiện phục vụ công tác thông tin đối ngoại, dịch vụ truyền thông, tuyên truyền đối ngoại và tổ chức hoạt động hỗ trợ, hợp tác với các cơ quan thông tấn, báo chí, công ty truyền thông, phóng viên nước ngoài để quảng bá Việt Nam tại nước ngoài.                                                               |
| 5          | Dịch vụ đo lường mức độ tiếp cận, sử dụng thông tin của khán giả, công chúng để đánh giá hiệu quả nội dung thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, an ninh - quốc phòng, thông tin đối ngoại và phát triển kinh tế - xã hội.                                                                                            |
| <b>II</b>  | <b>Viễn thông, internet</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 1          | Dịch vụ đo kiểm chất lượng dịch vụ viễn thông (theo quy chuẩn chất lượng) phục vụ quản lý nhà nước.                                                                                                                                                                                                                                |
| 2          | Dịch vụ đo kiểm sản phẩm, hàng hóa có khả năng mất an toàn thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông.                                                                                                                                                                                                                               |
| 3          | Dịch vụ thu thập, xử lý dữ liệu nghiệp vụ phục vụ giám sát, điều tiết thị trường viễn thông.                                                                                                                                                                                                                                       |
| 4          | Dịch vụ đo kiểm chất lượng kỹ thuật truyền dẫn, phát sóng các chương trình phát thanh, truyền hình đối với các kênh phát thanh, kênh truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu trên dịch vụ phát thanh, truyền hình.                                                                                |
| <b>III</b> | <b>Công nghệ thông tin</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 1          | Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| a          | Dịch vụ quản trị, vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia; cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, hạ tầng kỹ thuật dùng chung của địa phương thiết yếu đối với đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, cộng đồng dân cư hoặc phục vụ cho công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh mà Nhà nước phải tổ chức thực hiện.                              |

| STT       | Tên dịch vụ sự nghiệp công                                                                                                                                                                                |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| b         | Dịch vụ đo lường, cung cấp thông tin phục vụ đánh giá việc cung cấp, sử dụng thông tin điện tử và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước.                                                           |
| c         | Dịch vụ đánh giá kỹ thuật về kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia.                                                                               |
| d         | Dịch vụ hỗ trợ, duy trì việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia. |
| 2         | Công nghiệp Công nghệ thông tin và truyền thông                                                                                                                                                           |
|           | Dịch vụ đánh giá sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin, công nghệ số thuộc Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin, công nghệ số trọng điểm theo quy định của pháp luật.                           |
| 3         | An toàn thông tin                                                                                                                                                                                         |
| a         | Dịch vụ điều phối hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.                                                                              |
| b         | Dịch vụ thu thập, phân tích và cảnh báo nguy cơ, sự cố tấn công mạng cho các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.                                                                          |
| c         | Dịch vụ diễn tập phòng chống tấn công mạng đảm bảo an toàn thông tin mạng cho các lĩnh vực quan trọng của Đảng, Nhà nước.                                                                                 |
| d         | Dịch vụ giám sát phòng, chống, ngăn chặn thư rác, tin nhắn rác cho các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.                                                                                |
| đ         | Dịch vụ giám sát an toàn thông tin mạng cho các lĩnh vực quan trọng và hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ điện tử.                                                                                      |
| e         | Dịch vụ rà quét, xử lý mã độc cho các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.                                                                                                                 |
| g         | Dịch vụ kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng cho hệ thống thông tin của cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.                                                                          |
| h         | Dịch vụ giám sát an toàn không gian mạng Việt Nam.                                                                                                                                                        |
| <b>IV</b> | <b>Dịch vụ khác</b>                                                                                                                                                                                       |
| 1         | Hoạt động hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích thực hiện                                      |



#### Phụ lục IV

### **DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC SỰ NGHIỆP VĂN HÓA, GIA ĐÌNH, THỂ THAO VÀ DU LỊCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh  
Sóc Trăng)

| STT      | Tên dịch vụ sự nghiệp công                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b> | <b>Dịch vụ văn hóa</b>                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 1        | Tổ chức chương trình nghệ thuật phục vụ kỷ niệm những ngày lễ lớn; ngày sinh của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các đồng chí lãnh đạo tiên bối tiêu biểu; năm mất của các danh nhân đã được Đảng, Nhà nước công nhận; phục vụ nhiệm vụ chính trị, đối ngoại ở trong nước và quốc tế |
| 2        | Bảo tồn, phục dựng, dàn dựng và tổ chức cuộc thi, liên hoan, biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp, truyền thống, tiêu biểu, đặc thù                                                                                                                                                            |
| 3        | Sưu tầm, nghiên cứu, tổ chức dàn dựng, biểu diễn các tác phẩm thuộc thể loại nhạc vũ kịch và giao hưởng                                                                                                                                                                                      |
| 4        | Sưu tầm, bảo tồn, truyền dạy, phát huy các loại hình nghệ thuật dân gian, truyền thống, tiêu biểu và đặc thù của các dân tộc Việt Nam                                                                                                                                                        |
| 5        | Phát động, tổ chức sáng tác tác phẩm tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, tác phẩm nghệ thuật tham gia các cuộc thi, liên hoan, hội thi, hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp toàn quốc                                                                                                     |
| 6        | Tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, hội thi, hội diễn, liên hoan văn nghệ quần chúng; tuyên truyền lưu động, cổ động trực quan phục vụ nhiệm vụ chính trị                                                                                                                                |
| 7        | Hỗ trợ đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ dân gian trên địa bàn được cử tham gia các sự kiện văn hóa ngoài tỉnh, khu vực và toàn quốc                                                                                                                                                         |
| 8        | Tổ chức triển lãm, thi, liên hoan tác phẩm mỹ thuật, nhiếp ảnh phục vụ nhiệm vụ chính trị                                                                                                                                                                                                    |
| 9        | Hoạt động sưu tầm, kiểm kê, nghiên cứu, bảo quản, trưng bày, giáo dục, truyền thông của bảo tàng công lập                                                                                                                                                                                    |
| 10       | Bảo vệ, kiểm kê, lập hồ sơ xếp hạng, sưu tầm, nghiên cứu, bảo quản và phát huy giá trị di tích                                                                                                                                                                                               |
| 11       | Tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích đã được kiểm kê, xếp hạng                                                                                                                                                                                                                        |
| 12       | Nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, lập hồ sơ khoa học, tổ chức thực hành, trình diễn và truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể                                                                                                                                                                     |
| 13       | Thăm dò, khai quật khảo cổ nhằm mục đích nghiên cứu khoa học                                                                                                                                                                                                                                 |

| STT | Tên dịch vụ sự nghiệp công                                                                                                                                                                                                                 |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 14  | Thăm dò, khai quật khảo cổ phục vụ dự án cải tạo, xây dựng công trình, khảo cổ học dưới nước                                                                                                                                               |
| 15  | Giám định tài liệu, di vật, cổ vật phục vụ công tác quản lý và các hoạt động của bảo tàng                                                                                                                                                  |
| 16  | Tổ chức hoạt động giám định tài liệu, di vật, cổ vật theo đề nghị hoặc đơn đặt hàng của cá nhân, tổ chức phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước                                                                                                 |
| 17  | Nghiên cứu, sưu tầm, bảo quản, số hóa, biên dịch và phát huy giá trị di sản tư liệu                                                                                                                                                        |
| 18  | Xây dựng cơ sở dữ liệu, bộ máy tra cứu, lập báo cáo các loại dữ liệu về di tích và bảo tồn di tích                                                                                                                                         |
| 19  | Lập dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích                                                                                                                                                                                                |
| 20  | Kiểm kê, đăng ký, lập hồ sơ đề nghị công nhận bảo vật quốc gia                                                                                                                                                                             |
| 21  | Tổ chức các chương trình văn hóa nghệ thuật, ngày hội giao lưu văn hóa, thể thao và du lịch phục vụ đồng bào đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, tại xã đảo, huyện đảo                      |
| 22  | Bảo tồn, phục dựng, tái hiện và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc; sưu tầm, bảo quản, trưng bày giới thiệu các tài liệu, hiện vật văn hóa vật thể và phi vật thể của đồng bào các dân tộc Việt Nam                         |
| 23  | Bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một                                                                                                                                                         |
| 24  | Tổ chức các sự kiện, hoạt động phục vụ nhiệm vụ chính trị tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam                                                                                                                                  |
| 25  | Hỗ trợ chi phí sinh hoạt hằng ngày cho đồng bào các dân tộc được mời tham gia hoạt động tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam                                                                                                    |
| 26  | Hỗ trợ các hoạt động sáng tác của văn nghệ sỹ nhằm khuyến khích các tài năng sáng tạo, góp phần hình thành các tác phẩm văn học nghệ thuật có giá trị về nội dung, tư tưởng và nghệ thuật tại các trại sáng tác phục vụ nhiệm vụ chính trị |
| 27  | Hỗ trợ hoạt động sáng tạo và phổ biến, phát hành tác phẩm, công trình văn học nghệ thuật, tác phẩm báo chí chất lượng cao ở trung ương và địa phương                                                                                       |
| 28  | Xây dựng, xử lý, bảo quản tài nguyên thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống tra cứu thông tin tại thư viện công lập                                                                                                                   |
| 29  | Cung cấp tài nguyên thông tin tại thư viện và phục vụ lưu động ngoài thư viện, phục vụ người khuyết tật                                                                                                                                    |
| 30  | Hỗ trợ về chuyên môn, nghiệp vụ thư viện và dịch vụ hỗ trợ học tập, nghiên cứu                                                                                                                                                             |
| 31  | Tổ chức sự kiện, biên soạn thư mục, trưng bày, triển lãm, tuyên truyền, giới thiệu sách, báo, tư liệu thư viện phục vụ kỷ niệm những ngày lễ lớn                                                                                           |
| 32  | Tổ chức dịch vụ thư viện lưu động, luân chuyển tài nguyên thông tin, tiện ích thư viện phục vụ đồng bào đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, tại xã đảo, huyện đảo                           |

| STT        | Tên dịch vụ sự nghiệp công                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 33         | Sưu tầm, bảo quản và phát huy giá trị tài liệu cổ, quý hiếm, các bộ sưu tập tài liệu có giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa, khoa học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 34         | Hỗ trợ thông tin theo yêu cầu phục vụ nghiên cứu, quản lý chuyên biệt; tổ chức các sự kiện văn hóa phục vụ học tập suốt đời và các hoạt động phát triển văn hóa đọc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 35         | Phát triển thư viện số, tài nguyên thông tin dùng chung, tài nguyên thông tin mở, liên thông thư viện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 36         | Giám định, thông tin, truyền thông về quyền tác giả, quyền liên quan phục vụ công tác quản lý nhà nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 37         | Chuyển giao, khai thác quyền tác giả, quyền liên quan phục vụ công tác quản lý nhà nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 38         | Sản xuất phim truyện, phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình, phim kết hợp nhiều loại hình phục vụ nhiệm vụ chính trị về đề tài lịch sử, cách mạng, lãnh tụ, danh nhân, anh hùng dân tộc, trẻ em, vùng cao, miền núi, biên giới hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa Việt Nam; quay tư liệu phim các sự kiện lớn của đất nước theo yêu cầu, đề nghị của Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội |
| 39         | Tổ chức liên hoan phim; giải thưởng và cuộc thi phim quốc tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 40         | Tổ chức tuần phim và các sự kiện quảng bá điện ảnh trong nước và quốc tế phục vụ nhiệm vụ chính trị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 41         | Phát hành, phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 42         | Lưu trữ, bảo quản khai thác tư liệu, hình ảnh động quốc gia                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 43         | Lưu trữ, bảo quản khai thác các bối cảnh lớn của trường quay, cung cấp dịch vụ làm phim lịch sử                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 44         | Nghiên cứu, sưu tầm, cập nhật, phổ biến thông tin về trang thiết bị, công nghệ chuyên ngành điện ảnh, cung cấp dịch vụ, kỹ thuật điện ảnh phục vụ nhiệm vụ chính trị, công tác đối ngoại và quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <b>II</b>  | <b>Dịch vụ gia đình</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 1          | Tổ chức các sự kiện liên quan đến lĩnh vực gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 2          | Hỗ trợ các hoạt động của các mô hình về phòng, chống bạo lực gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 3          | Cung cấp các sản phẩm truyền thông về giáo dục đời sống, đạo đức, lối sống trong gia đình; phòng, chống bạo lực gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>III</b> | <b>Dịch vụ thể dục, thể thao</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 1          | Tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện vận động viên, huấn luyện viên thể thao quốc gia                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 2          | Thực hiện giám định khoa học đánh giá trình độ tập luyện thể thao cho vận động viên thể thao thành tích cao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 3          | Phòng, chống doping trong hoạt động thể thao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |

| STT       | Tên dịch vụ sự nghiệp công                                                                                                                                                                                  |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4         | Khám, chữa bệnh, điều trị chấn thương cho huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập huấn và thi đấu (ngoài danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước do Bộ Y tế chủ trì) |
| 5         | Tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho hướng dẫn viên, cộng tác viên thể dục, thể thao                                                                                                                          |
| 6         | Bảo đảm điều kiện tập luyện thể dục, thể thao cho các đối tượng chính sách tại thiết chế thể thao cơ sở                                                                                                     |
| 7         | Bảo tồn và phát triển các môn thể thao dân tộc, thể thao đặc thù                                                                                                                                            |
| 8         | Tổ chức đại hội thể thao, các giải thi đấu thể thao                                                                                                                                                         |
| 9         | Hướng dẫn phòng tránh chấn thương trong tập luyện thể dục, thể thao                                                                                                                                         |
| 10        | Cung cấp thiết bị tập luyện, thi đấu thể dục, thể thao                                                                                                                                                      |
| 11        | Hướng dẫn chế độ dinh dưỡng đặc thù trong tập luyện thể dục, thể thao                                                                                                                                       |
| <b>IV</b> | <b>Dịch vụ du lịch</b>                                                                                                                                                                                      |
| 1         | Xúc tiến, quảng bá du lịch ở trong nước và ngoài nước                                                                                                                                                       |
| 2         | Phát triển thương hiệu du lịch quốc gia và địa phương                                                                                                                                                       |
| 3         | Tổ chức, tham gia các sự kiện du lịch quy mô liên vùng, quốc gia                                                                                                                                            |
| 4         | Bảo vệ, tôn tạo, phát triển giá trị tài nguyên du lịch                                                                                                                                                      |
| 5         | Tổ chức thông tin hỗ trợ khách du lịch và phát triển du lịch cộng đồng                                                                                                                                      |
| 6         | Tổ chức khảo sát, thu thập dữ liệu, tài liệu, điều tra tài nguyên du lịch, thị trường du lịch                                                                                                               |
| <b>V</b>  | <b>Dịch vụ khác</b>                                                                                                                                                                                         |
| 1         | Đào tạo nguồn nhân lực tài năng trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, thể thao ở trong nước và nước ngoài                                                                                                      |
| 2         | Đào tạo nhân lực các ngành hiếm, chuyên sâu, chất lượng cao, khó tuyển và truyền thống, đặc thù thuộc các trình độ trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật                                                        |
| 3         | Tổ chức hội thi tài năng học sinh, sinh viên trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật                                                                                                                              |
| 4         | Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy sư phạm chuyên ngành đối với giảng viên, giáo viên, huấn luyện viên trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch                            |
| 5         | Đào tạo nhân lực chuyên sâu, chất lượng cao trong lĩnh vực du lịch, thể thao                                                                                                                                |
| 6         | Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, các đối tượng liên quan thuộc các lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch                                                         |
| 7         | Nghiên cứu các chương trình, đề tài, dự án, đề án, nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp (cấp quốc gia, cấp bộ và cơ sở) các lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch                      |

| STT | Tên dịch vụ sự nghiệp công                                                                                                                                                            |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 8   | Xây dựng các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, thông tin khoa học và các dịch vụ khác có liên quan trong các lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch |
| 9   | Các chương trình, dự án, nhiệm vụ môi trường, đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu trong các lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch                       |
| 10  | Nghiên cứu và chuyển giao khoa học, công nghệ trong các lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch                                                                      |



## Phụ lục V

# **DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, TỈNH SÓC TRĂNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

| STT       | Tên dịch vụ sự nghiệp công                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Hoạt động khoa học và công nghệ (KH&amp;CN)</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 1         | Công bố, xuất bản, truyền thông, khai thác, ứng dụng nhiệm vụ KH&CN và phát triển công nghệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 2         | Thẩm định cấp chứng nhận hoạt động ứng dụng, nghiên cứu, phát triển công nghệ cao, cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, công nhận doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp KH&CN.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 3         | Dịch vụ hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo:<br>- Cung cấp chuyên gia trong nước, quốc tế tư vấn, cung cấp dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.<br>- Cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (pháp lý, tài chính, sở hữu trí tuệ, thông tin công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, và các dịch vụ khác).<br>- Cung cấp không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến, hỗ trợ kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.<br>- Cung cấp dịch vụ ươm tạo, dịch vụ đào tạo tập trung cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo;<br>- Thẩm định năng lực, hiệu quả hoạt động của vườn ươm, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, huấn luyện viên khởi nghiệp. |
| 4         | Môi giới, xúc tiến, tư vấn và dịch vụ khác phục vụ chuyển giao công nghệ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 5         | Đánh giá, thẩm định, giám định và định giá công nghệ; thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ; Định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ phục vụ quản lý nhà nước.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 6         | Thẩm định cơ sở khoa học của phát triển kinh tế - xã hội; Thẩm định công nghệ các dự án đầu tư; Thẩm định quy hoạch ngành, lĩnh vực; Thẩm định nhiệm vụ KH&CN.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 7         | Đánh giá hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| <b>II</b> | <b>Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 1         | Dịch vụ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực KH&CN.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 2         | Thẩm định điều kiện hoạt động KH&CN cho các tổ chức KH&CN, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức KH&CN.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 3         | Xây dựng và quản trị hạ tầng thông tin, quản trị hạ tầng công nghệ thông tin KH&CN.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |

| STT        | Tên dịch vụ sự nghiệp công                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4          | Tổ chức các chợ công nghệ và thiết bị, hoạt động trình diễn, kết nối cung - cầu công nghệ, các trung tâm giao dịch công nghệ, triển lãm KH&CN, tổ chức các sự kiện, hội nghị kêu gọi vốn đầu tư cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 5          | Xây dựng và vận hành hệ thống thông tin và truyền thông KH&CN. Xây dựng duy trì và phát triển cổng thông tin KH&CN. Hoạt động thư viện, thông kê trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN.                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 6          | Thông tin, truyền thông trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| <b>III</b> | <b>Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 1          | Xác nhận đăng ký quốc tế về sở hữu công nghiệp có hiệu lực bảo hộ tại Việt Nam.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 2          | Giám định về sở hữu công nghiệp phục vụ quản lý nhà nước.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| <b>IV</b>  | <b>Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 1          | Xây dựng, thẩm định quy chuẩn kỹ thuật địa phương; Tham gia xây dựng tiêu chuẩn địa phương; hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài.                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 2          | Thông báo và hỏi đáp của Việt Nam về hàng rào kỹ thuật trong thương mại.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 3          | Hoạt động về nhãn hàng hóa, mã số, mã vạch.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 4          | Thiết lập, duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 5          | Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 6          | Đánh giá sự phù hợp về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, công nhận năng lực của phòng thử nghiệm, phòng hiệu chuẩn, tổ chức chứng nhận sự phù hợp, tổ chức giám định.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 7          | Tư vấn, đầu tư nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 8          | Xây dựng và tư vấn áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trong hoạt động của cơ quan nhà nước.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 9          | Tổ chức Giải thưởng chất lượng quốc gia.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| <b>V</b>   | <b>Lĩnh vực Năng lượng nguyên tử, An toàn bức xạ và hạt nhân</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 1          | Xử lý, lưu giữ, chôn cất chất thải phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng; lưu giữ nhiên liệu hạt nhân, vật liệu hạt nhân, vật liệu hạt nhân nguồn; hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; tư vấn nhập khẩu công nghệ, thiết bị hạt nhân, nhiên liệu hạt nhân, vật liệu hạt nhân, vật liệu hạt nhân nguồn và nguồn phóng xạ; tư vấn xuất khẩu công nghệ, thiết bị hạt nhân, nhiên liệu hạt nhân, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng, vật liệu hạt nhân, vật liệu hạt nhân nguồn và nguồn phóng xạ. |
| 2          | Ứng phó và xử lý sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| <b>VI</b>  | <b>Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, kiến thức, nghiệp vụ trong lĩnh vực KH&amp;CN</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 1          | Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực KH&CN theo các chương trình, đề án, kế hoạch đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 2          | Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý KH&CN.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |

| STT | Tên dịch vụ sự nghiệp công                                                    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------|
| 3   | Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành KH&CN. |



## Phụ lục VI

# DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC SỰ NGHIỆP TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG, TỈNH SÓC TRĂNG

(Kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

| STT       | Tên dịch vụ sự nghiệp công                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>A</b>  | <b>Hoạt động kinh tế tài nguyên môi trường</b>                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>I</b>  | <b>Dịch vụ lĩnh vực quản lý đất đai</b>                                                                                                                                                                                                                              |
| 1         | Lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                                |
| 2         | Thống kê, kiểm kê đất đai và thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã                                                                                                                                                                     |
| 3         | Điều tra, đánh giá đất đai; công tác định giá đất (xây dựng, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất và xác định giá đất cụ thể)                                                                                                                                   |
| 4         | Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất                                                                                                                                                                                                             |
| 5         | Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất                                                                                                                         |
| 6         | Xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu đất đai; quản lý, vận hành, bảo trì, nâng cấp, bảo đảm hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin và phần mềm; Chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai; thực hiện dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực đất đai |
| 7         | Lập, chỉnh lý, cập nhật, lưu trữ và quản lý hồ sơ địa chính                                                                                                                                                                                                          |
| 8         | Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin đất đai                                                                                                                                                                                                                         |
| 9         | Hoạt động điều tra cơ bản khác thuộc lĩnh vực đo đạc bản đồ, quản lý đất đai theo quy định của pháp luật                                                                                                                                                             |
| 10        | Quản lý quỹ đất                                                                                                                                                                                                                                                      |
| <b>II</b> | <b>Dịch vụ lĩnh vực tài nguyên nước</b>                                                                                                                                                                                                                              |
| 1         | Điều tra, đánh giá tài nguyên nước                                                                                                                                                                                                                                   |
| 2         | Kiểm kê tài nguyên nước                                                                                                                                                                                                                                              |
| 3         | Điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải, khí thải, chất thải khác vào nguồn nước                                                                                                                                                        |
| 4         | Xây dựng và duy trì mạng quan trắc tài nguyên nước, giám sát, cảnh báo, dự báo nguồn nước                                                                                                                                                                            |
| 5         | Xây dựng và duy trì hệ thống cảnh báo, dự báo lũ, lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng và các tác hại khác do nước gây ra                                                                                                                                      |
| 6         | Xây dựng và duy trì hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước                                                                                                                                                                                                |

| STT        | Tên dịch vụ sự nghiệp công                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 7          | Xây dựng báo cáo tài nguyên nước của tỉnh, báo cáo khai thác, sử dụng tài nguyên nước của ngành, lĩnh vực                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 8          | Xây dựng, vận hành mạng quan trắc tài nguyên nước đối với các nguồn nước mặt nội tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 9          | Cập nhật, nâng cấp, quản lý, vận hành và duy trì Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh tích hợp với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia                                                                                                                                                                                               |
| 10         | Xây dựng kịch bản nguồn nước; báo cáo khai thác, sử dụng tài nguyên nước của tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 11         | Đo đạc mặt cắt sông; đánh giá diễn biến sạt lở lòng, bờ, bãi sông; điều tra, khảo sát phục vụ lập kế hoạch bảo vệ nước dưới đất, lập hành lang bảo vệ nguồn nước                                                                                                                                                                                                                  |
| 12         | Xây dựng Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 13         | Rà soát chức năng nguồn nước trong quy hoạch tỉnh; xác định, công bố chức năng đối với nguồn nước mặt nội tỉnh trong trường hợp chưa có quy hoạch hoặc quy hoạch chưa thể hiện chức năng nguồn nước                                                                                                                                                                               |
| 14         | Lập, công bố, điều chỉnh danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước; phê duyệt, điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước, kế hoạch, phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước; tổ chức xác định phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với các trường hợp không có tổ chức được giao quản lý, vận hành; |
| 15         | Điều tra, đánh giá, xác định và công bố dòng chảy tối thiểu đối với nguồn nước mặt nội tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 16         | Rà soát khoanh định, công bố, điều chỉnh danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; quyết định đưa ra khỏi danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất khi nguồn nước dưới đất đã phục hồi .                                                                                                                                                            |
| 17         | Điều chỉnh danh mục nguồn nước mặt nội tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 18         | Lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với kịch bản nguồn nước; xây dựng, tổ chức thực hiện phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước                                                                                                                                                                                                                        |
| <b>III</b> | <b>Dịch vụ lĩnh vực địa chất và khoáng sản</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 1          | Điều tra cơ bản về địa chất và tài nguyên khoáng sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 2          | Điều tra, đánh giá tai biến địa chất, địa chất công trình, địa chất đô thị, địa chất môi trường, địa chất cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 3          | Thăm dò khoáng sản theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 4          | Thống kê, kiểm kê tài nguyên, trữ lượng khoáng sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 5          | Xây dựng chiến lược khoáng sản; quy hoạch khoáng sản; quy hoạch điều tra cơ bản về địa chất và khoáng sản; khu vực cấm, tạm cấm và khu vực dự trữ khoáng sản; khu vực đấu giá quyền thăm dò, khai thác khoáng sản                                                                                                                                                                 |
| <b>IV</b>  | <b>Dịch vụ lĩnh vực khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |

| STT       | Tên dịch vụ sự nghiệp công                                                                                                                                                                                              |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1         | Giám sát và xây dựng cơ sở dữ liệu về giám sát khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu của địa phương                                                                                                                    |
| 2         | Tổ chức đánh giá khí hậu trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng                                                                                                                                                                    |
| 3         | Xây dựng, cập nhật định kỳ Kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu của địa phương theo kịch bản biến đổi khí hậu quốc gia                                                                                           |
| 4         | Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến thiên tai, tài nguyên và môi trường. Lồng ghép, tích hợp biến đổi khí hậu vào Chương trình, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh                         |
| 5         | Điều tra, đánh giá và xây dựng mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ tại các vị trí trên các sông chính thuộc địa bàn tỉnh chưa được quy định trong Quyết định số 05/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ           |
| 6         | Kiểm kê khí nhà kính và đề xuất các giải pháp quản lý phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh                                                                                                                          |
| 7         | Đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu gây ra trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng                                                                                          |
| 8         | Xây dựng Kế hoạch phát triển mạng lưới khí tượng thủy văn chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng                                                                                                                       |
| 9         | Thực hiện giám sát, đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; cập nhật thông tin về tiến độ, kết quả thực hiện các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống giám sát, đánh giá. |
| 10        | Triển khai hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ rủi ro thiên tai                                                                                                                                          |
| <b>V</b>  | <b>Dịch vụ lĩnh vực đo đạc bản đồ và viễn thám</b>                                                                                                                                                                      |
| 1         | Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:2.000 và 1:5.000 đối với phần đất liền, khu vực xã đảo, hải đảo, cửa sông, cảng biển thuộc phạm vi quản lý                                                          |
| 2         | Thành lập, cập nhật bản đồ địa hình tỷ lệ 1:2.000 và 1:5.000 đối với phần đất liền, khu vực xã đảo, hải đảo, cửa sông, cảng biển thuộc phạm vi quản lý                                                                  |
| 3         | Đo đạc, thành lập bản đồ phục vụ lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp                                                                                                                                                  |
| 4         | Đo đạc, thành lập các loại bản đồ chuyên ngành khác phục vụ quản lý nhà nước tại địa phương                                                                                                                             |
| 5         | Xây dựng, vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý                                                                                                                          |
| 6         | Đo đạc, thành lập bản đồ địa chính                                                                                                                                                                                      |
| <b>VI</b> | <b>Dịch vụ lĩnh vực quản lý tổng hợp tài nguyên môi trường biển và hải đảo</b>                                                                                                                                          |
| 1         | Điều tra cơ bản, đánh giá tài nguyên, môi trường biển và hải đảo                                                                                                                                                        |
| 2         | Thống kê các loại tài nguyên biển và hải đảo                                                                                                                                                                            |
| 3         | Lập, phê duyệt tổ chức thực hiện chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ                                                                                                                                       |
| 4         | Phân vùng sử dụng biển tỉnh Sóc Trăng                                                                                                                                                                                   |

| STT        | Tên dịch vụ sự nghiệp công                                                                                                                                                                                                                                                                |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 5          | Quan trắc, đánh giá tình trạng ô nhiễm môi trường biển và hải đảo, hiện trạng chất lượng nước, trầm tích, các hệ sinh thái và đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo; điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo |
| 6          | Lập báo cáo hiện trạng môi trường biển và hải đảo của tỉnh và báo cáo hiện trạng môi trường biển và hải đảo theo chuyên đề                                                                                                                                                                |
| 7          | Cấm mốc hành lang bảo vệ bờ biển                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 8          | Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo                                                                                                                                                                                                                             |
| <b>VII</b> | <b>Dịch vụ lĩnh vực công nghệ thông tin, lưu trữ và truyền thông về tài nguyên và môi trường (dịch vụ khác)</b>                                                                                                                                                                           |
| 1          | Thành lập, cập nhật bản đồ hành chính (cấp tỉnh, cấp huyện)                                                                                                                                                                                                                               |
| 2          | Thành lập bản đồ chuyên đề                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 3          | - Xây dựng, vận hành, cập nhật, bảo trì cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường.                                                                                                                                                                                       |
|            | - Xây dựng, vận hành, bảo trì, nâng cấp ứng dụng phần mềm hỗ trợ việc quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường.                                                                                                                                      |
|            | - Hoạt động đảm bảo an toàn, bảo mật cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường.                                                                                                                                                                                          |
| 4          | - Thu thập, quản lý, lưu trữ, bảo quản, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.                                                                                                                                                                                             |
|            | - Xây dựng, cập nhật, công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.                                                                                                                                                                                                       |
| 5          | Thiết kế, xây dựng, quản lý, bảo trì, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ tin học hóa hành chính nhà nước ngành tài nguyên và môi trường (bao gồm phần cứng và phần mềm)                                                                                                         |
| 6          | Quản lý, chỉnh lý hồ sơ, tài liệu lưu trữ; bảo quản kho lưu trữ ngành tài nguyên và môi trường                                                                                                                                                                                            |
| 7          | Thông tin, tuyên truyền tài nguyên và môi trường                                                                                                                                                                                                                                          |
| 8          | Phân tích, xử lý dữ liệu, thông tin tài nguyên và môi trường                                                                                                                                                                                                                              |
| 9          | Cung cấp dịch vụ công trực tuyến về tài nguyên và môi trường                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>B</b>   | <b>Lĩnh vực sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                                                                                                                                                                                                                                               |
| <b>I</b>   | <b>Dịch vụ môi trường</b>                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 1          | Đánh giá sức chịu tải của sông; ban hành hạn ngạch xả nước thải vào sông; công bố thông tin về những đoạn sông không còn khả năng tiếp nhận nước thải                                                                                                                                     |
| 2          | Đánh giá thiệt hại do ô nhiễm và xử lý ô nhiễm môi trường lưu vực sông                                                                                                                                                                                                                    |

| STT       | Tên dịch vụ sự nghiệp công                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3         | Điều tra, đánh giá trữ lượng, chất lượng và lập kế hoạch bảo vệ, điều hòa chế độ nước của hồ, ao, kênh, mương, rạch; lập và thực hiện kế hoạch cải tạo hoặc di dời các khu, cụm nhà ở, công trình trên hồ, ao, kênh, mương, rạch gây ô nhiễm môi trường, tắc nghẽn dòng chảy, suy thoái hệ sinh thái đất ngập nước và làm mất mỹ quan đô thị |
| 4         | Đánh giá mức độ ô nhiễm và xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề trên địa bàn tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 5         | Điều tra, xác định khu vực môi trường bị ô nhiễm trên địa bàn tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 6         | Điều tra, xác định phạm vi ô nhiễm, thiệt hại do sự cố môi trường gây ra trên địa bàn tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 7         | Thực hiện chương trình quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 8         | Thực hiện công tác thống kê môi trường của địa phương; xây dựng cơ sở dữ liệu về thống kê môi trường của địa phương                                                                                                                                                                                                                          |
| 9         | Báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 10        | Báo cáo hiện trạng môi trường của địa phương 05 năm một lần                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 11        | Báo cáo chuyên đề về môi trường của địa phương                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 12        | Điều tra, đánh giá sơ bộ khu vực đất có khả năng bị ô nhiễm thuộc địa bàn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 13        | Phương án xử lý ô nhiễm đối với khu vực bị ô nhiễm thuộc địa bàn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 14        | Xử lý ô nhiễm, cải tạo và phục hồi chất lượng môi trường các khu vực bị ô nhiễm trên địa bàn tỉnh                                                                                                                                                                                                                                            |
| 15        | Kế hoạch hàng năm cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 16        | Điều tra, đánh giá, xây dựng kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Sóc Trăng                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 17        | Điều tra, đánh giá hiện trạng phát sinh rác thải nhựa và đề xuất các biện pháp quản lý phù hợp với điều kiện tỉnh Sóc Trăng                                                                                                                                                                                                                  |
| 18        | Điều tra, đánh giá, xây dựng kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt tỉnh Sóc Trăng                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 19        | Giám định chất thải, đo đạc nguồn thải phục vụ công tác quản lý về tài nguyên và môi trường                                                                                                                                                                                                                                                  |
| <b>II</b> | <b>Dịch vụ bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 1         | Quan trắc về đa dạng sinh học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |



## Phụ lục VII

# PHỤ LỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, TỈNH SÓC TRĂNG

(Kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh  
Sóc Trăng)

| STT        | Tên dịch vụ sự nghiệp công                                                                                                                              |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Dịch vụ lĩnh vực thủy sản</b>                                                                                                                        |
| 1          | Lưu trữ, bảo tồn nguồn gen giống thủy sản                                                                                                               |
| 2          | Bảo tồn, tái tạo giống gốc, quỹ gen các loài quý hiếm, đa dạng sinh học thủy sản, nuôi giữ giống gốc                                                    |
| <b>II</b>  | <b>Dịch vụ lĩnh vực chăn nuôi</b>                                                                                                                       |
| 1          | Hướng dẫn sản xuất chăn nuôi                                                                                                                            |
| 2          | Điều tra, thống kê thông tin lĩnh vực chăn nuôi                                                                                                         |
| <b>III</b> | <b>Dịch vụ lĩnh vực thú y</b>                                                                                                                           |
| 1          | Xây dựng vùng cơ sở an toàn dịch bệnh động vật                                                                                                          |
| 2          | Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn cho nhân viên thú y cấp xã và các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến công tác thú y trên địa bàn tỉnh |
| <b>IV</b>  | <b>Dịch vụ lĩnh vực trồng trọt</b>                                                                                                                      |
| 1          | Điều tra lĩnh vực trồng trọt                                                                                                                            |
| 2          | Thống kê lĩnh vực trồng trọt                                                                                                                            |
| 3          | Khảo nghiệm, chọn lọc giống mới, nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật vào sản xuất về lĩnh vực giống cây trồng                                                  |
| <b>V</b>   | <b>Dịch vụ lĩnh vực bảo vệ thực vật</b>                                                                                                                 |
| 1          | Điều tra lĩnh vực bảo vệ thực vật                                                                                                                       |
| 2          | Thống kê lĩnh vực bảo vệ thực vật                                                                                                                       |
| 3          | Giám định sinh vật gây hại lạ, sinh vật là đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam                                                                    |
| 4          | Khảo sát nhằm đưa ra biện pháp phòng trừ sinh vật gây hại thực vật bảo vệ sản xuất                                                                      |
| 5          | Đánh giá dịch bệnh, sâu bệnh                                                                                                                            |
| 6          | Cấp và quản lý mã số vùng trồng                                                                                                                         |
| <b>VI</b>  | <b>Dịch vụ lĩnh vực lâm nghiệp</b>                                                                                                                      |
| 1          | Điều tra, thống kê, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng                                                                                                    |
| 2          | Lập hồ sơ phân định ranh giới rừng và cắm mốc, bảng phân định ranh giới rừng                                                                            |
| 3          | Tuần tra bảo vệ rừng                                                                                                                                    |
| <b>VII</b> | <b>Dịch vụ lĩnh vực thủy lợi</b>                                                                                                                        |
| 1          | Duy tu, bảo dưỡng, bảo trì các công trình thủy lợi, đê điều                                                                                             |

| STT         | Tên dịch vụ sự nghiệp công                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2           | Công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 3           | Phân cấp quản lý đê điều                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| <b>VIII</b> | <b>Dịch vụ lĩnh vực phòng chống thiên tai</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 1           | Xây dựng bản đồ thuộc lĩnh vực phòng chống thiên tai                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| <b>IX</b>   | <b>Dịch vụ khác</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 1           | Dịch vụ lĩnh vực khuyến nông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 1.1         | Thống kê các lĩnh vực trong ngành nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 1.2         | Xây dựng, biên soạn tài liệu, đào tạo, tập huấn kỹ thuật, nghiệp vụ khuyến nông, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho cán bộ kỹ thuật cơ sở, cộng tác viên và nông dân                                                                                                                                                                            |
| 1.3         | Thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra một số chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 1.4         | Hướng dẫn xây dựng chương trình, tài liệu về nội dung, phương pháp hoạt động khuyến nông cho các cơ quan, đơn vị tham gia hoạt động khuyến nông                                                                                                                                                                                                 |
| 1.5         | Dịch vụ thông tin tuyên truyền về khuyến nông theo quy định của pháp luật                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 1.6         | Tổ chức và tham gia tổ chức các hội thi, hội thảo, hội chợ, triển lãm, diễn đàn, tham quan học tập, trao đổi kinh nghiệm về khuyến nông                                                                                                                                                                                                         |
| 1.7         | Đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn trên địa bàn theo phân công                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 1.8         | Xây dựng và trình diễn các mô hình: Khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; mô hình tổ chức, quản lý sản xuất, kinh doanh nông nghiệp hiệu quả và bền vững và các mô hình điển hình sản xuất tiên tiến nhân ra diện rộng của các chương trình, đề án, dự án                                |
| 1.9         | Tuyên truyền, tư vấn tập huấn những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, chính sách, pháp luật, truyền nghề về kỹ năng sản xuất, tổ chức, quản lý sản xuất, kinh doanh trong các lĩnh vực khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật về sản xuất thuộc các lĩnh vực của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 1.10        | Hợp tác quốc tế về khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 1.11        | Hoạt động xúc tiến thương mại nông, lâm, thủy sản                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 1.12        | Điều tra, quy hoạch các lĩnh vực phát triển nông thôn và chế biến                                                                                                                                                                                                                                                                               |



### **Phụ lục VIII**

## **PHỤ LỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI, TỈNH SÓC TRĂNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh  
Sóc Trăng)*

| <b>STT</b> | <b>Tên dịch vụ sự nghiệp công</b>                                                               |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (Tuần đường, quản lý các tuyến đường tỉnh) |

## Phụ lục IX

### DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CÔNG THƯƠNG, TỈNH SÓC TRĂNG

(Kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh  
Sóc Trăng)

| STT        | Tên dịch vụ sự nghiệp công                                                                                                                                                                                                                                           |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Dịch vụ lĩnh vực điện lực, tiết kiệm năng lượng hiệu quả</b>                                                                                                                                                                                                      |
| 1          | Dịch vụ xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án, đề án về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trên địa bàn tỉnh                                                                                                                                             |
| 2          | Dịch vụ tổ chức các hội nghị, hội thảo, chuyên đề, phóng sự nhằm nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp, cơ quan công sở về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh                                                                       |
| 3          | Dịch vụ xây dựng các mô hình thí điểm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại các tòa nhà công sở, trường học, bệnh viện, chiếu sáng ngoài trời, chiếu sáng công nghiệp, nông nghiệp                                                                            |
| 4          | Dịch vụ đánh giá hiện trạng sử dụng năng lượng các lĩnh vực, ngành nghề trên địa bàn; đề xuất các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hướng dẫn sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh                                           |
| 5          | Dịch vụ truyền thông về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả                                                                                                                                                                                                     |
| <b>II</b>  | <b>Dịch vụ lĩnh vực thương mại điện tử</b>                                                                                                                                                                                                                           |
| 1          | Dịch vụ tổ chức đào tạo tập huấn, hỗ trợ các doanh nghiệp <i>trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng</i> ứng dụng thương mại điện tử                                                                                                                                             |
| <b>III</b> | <b>Dịch vụ khuyến công</b>                                                                                                                                                                                                                                           |
| 1          | Dịch vụ tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề ngắn hạn theo nhu cầu của các cơ sở công nghiệp nông thôn                                                                                                                                                                  |
| 2          | Dịch vụ hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp, nhận thức và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp thông qua các hoạt động tư vấn, tập huấn, đào tạo, hội thảo, diễn đàn; tham quan, khảo sát học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước |
| 3          | Dịch vụ hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp                                                                                                                                           |
| 4          | Dịch vụ hỗ trợ ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp                                                                                                                                                 |
| 5          | Dịch vụ xây dựng các mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn                                                                                                                                                                                                   |
| 6          | Dịch vụ tổ chức bình chọn và cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh                                                                                                                                                                   |
| 7          | Dịch vụ tổ chức hội chợ, triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ                                                                                                                                                                                 |
| 8          | Dịch vụ hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm                                                                                                                                                                                           |

| STT       | Tên dịch vụ sự nghiệp công                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 9         | Dịch vụ hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói sản phẩm; hỗ trợ xây dựng, đăng ký nhãn hiệu hàng hóa để giới thiệu quảng bá sản phẩm công nghiệp nông thôn                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 10        | Dịch vụ cung cấp thông tin về các chính sách phát triển công nghiệp, khuyến công, thông tin thị trường, phổ biến kinh nghiệm, mô hình sản xuất kinh doanh điển hình, sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, thông qua các hình thức như: Xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản ấn phẩm; xây dựng dữ liệu, trang thông tin điện tử; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác                                       |
| 11        | Dịch vụ hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết; dịch vụ tổ chức hoạt động thu hút đầu tư phát triển cụm công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 12        | Dịch vụ hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 13        | Dịch vụ xây dựng chương trình khuyến công giai đoạn, kế hoạch khuyến công hàng năm; dịch vụ tổ chức các hoạt động trao đổi, tham quan học tập kinh nghiệm về công tác khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, quản lý cụm công nghiệp, sản xuất sạch hơn với các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam; dịch vụ đào tạo, nâng cao năng lực, trình độ cho cán bộ làm công tác khuyến công các cấp từ tỉnh đến cơ sở |
| 14        | Dịch vụ tổ chức kiểm tra, giám sát, hướng dẫn triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 15        | Dịch vụ xây dựng, duy trì và phổ biến các cơ sở dữ liệu công nghiệp nông thôn và trang thông tin điện tử về khuyến công, sản xuất sạch hơn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| <b>IV</b> | <b>Dịch vụ xúc tiến thương mại</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 1         | Dịch vụ tổ chức hội chợ, triển lãm <i>trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 2         | Dịch vụ tổ chức <i>phiên chợ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 3         | Dịch vụ tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, phát triển thị trường, kỹ năng trong kinh doanh cho doanh nghiệp <i>trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng</i>                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>V</b>  | <b>Dịch vụ lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 1         | Dịch vụ kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trở thành nhà cung ứng sản phẩm cho khách hàng trong và ngoài nước; dịch vụ hỗ trợ xúc tiến thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ                                                                                                                                                                                                                                           |
| 2         | Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu của các chuỗi sản xuất toàn cầu trong quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 3         | Dịch vụ đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của các ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 4         | Dịch vụ nghiên cứu phát triển, ứng dụng chuyển giao và đổi mới công nghệ trong sản xuất thử nghiệm linh kiện, phụ tùng, nguyên liệu và vật liệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 5         | Dịch vụ quản lý thực hiện chương trình, đề án công nghiệp hỗ trợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 6         | Thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về lĩnh vực phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |



## Phụ lục X

# PHẠM VI DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC SỰ NGHIỆP LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI, TỈNH SÓC TRĂNG

(Kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

| STT        | Tên dịch vụ sự nghiệp công                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Dịch vụ chăm sóc người có công</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 1          | Dịch vụ điều dưỡng luân phiên người có công                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 2          | Dịch vụ nuôi dưỡng, điều dưỡng thương bệnh binh, người có công                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| <b>II</b>  | <b>Dịch vụ về việc làm</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 1          | Dịch vụ tư vấn, giới thiệu việc làm, định hướng nghề nghiệp cho người lao động                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 2          | Dịch vụ thu thập, phân tích, dự báo và cung ứng thông tin thị trường lao động                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 3          | Dịch vụ cung ứng và tuyển lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động, trừ đối tượng thuộc bảo hiểm thất nghiệp chi trả                                                                                                                                                                                                                                               |
| <b>III</b> | <b>Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho lao động là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng; người cần nâng cao trình độ kỹ năng nghề, ngoại ngữ theo yêu cầu của nước tiếp nhận lao động thuộc dự án, chương trình hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam và nước tiếp nhận lao động</b> |
| <b>IV</b>  | <b>Dịch vụ trợ giúp xã hội và bảo vệ, chăm sóc trẻ em</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 1          | Dịch vụ chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 2          | Dịch vụ chăm sóc dài hạn cho đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 3          | Dịch vụ công tác xã hội và chăm sóc bán trú cho đối tượng bảo trợ xã hội                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 4          | Dịch vụ chăm sóc người chưa thành niên, người không còn khả năng lao động là đối tượng thuộc diện chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính                                                                                                                                                                   |
| <b>V</b>   | <b>Dịch vụ lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 1          | Dịch vụ hỗ trợ cho người bán dâm tại cộng đồng và Trung tâm cung cấp dịch vụ công tác xã hội tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 2          | Dịch vụ hỗ trợ khẩn cấp, hỗ trợ phục hồi và hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân bị mua bán                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| <b>VI</b>  | <b>Dịch vụ về an toàn vệ sinh lao động</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| <b>VII</b> | <b>Dịch vụ thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 1          | Dịch vụ đào tạo nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |

| STT | Tên dịch vụ sự nghiệp công                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2   | Dịch vụ đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng đối với ngành, nghề khó tuyển sinh nhưng xã hội có nhu cầu; các ngành chuyên môn đặc thù đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh                                                                                                    |
| 3   | Dịch vụ đào tạo sơ cấp nghề, đào tạo nghề dưới 03 tháng cho phụ nữ, lao động nông thôn, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội |
| 4   | Dịch vụ đào tạo nghề trình độ cao đẳng, trung cấp các nghề còn lại (ngoài danh mục quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Phần VII danh mục này)                                                                                                                                                          |



## Phụ lục XI

# DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC TƯ PHÁP, TỈNH SÓC TRĂNG

(Kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh  
Sóc Trăng)

| STT | Tên dịch vụ sự nghiệp công                                              |
|-----|-------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Dịch vụ trợ giúp pháp lý                                                |
| -   | Hỗ trợ thông tin, thực hiện trợ giúp pháp lý theo Luật trợ giúp pháp lý |



## Phụ lục XII

### PHẠM VI DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC SỰ NGHIỆP KHÁC, TỈNH SÓC TRĂNG

(Kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh  
Sóc Trăng)

| STT      | Tên dịch vụ sự nghiệp công                           |
|----------|------------------------------------------------------|
| <b>A</b> | <b>Dịch vụ hoạt động lĩnh vực nội vụ</b>             |
| 1        | Dịch vụ chính lý tài liệu lưu trữ                    |
| 2        | Dịch vụ giải mật tài liệu lưu trữ                    |
| 3        | Dịch vụ tu bổ, phục chế và bảo hiểm tài liệu lưu trữ |
| 4        | Dịch vụ triển lãm, trưng bày tài liệu lưu trữ        |
| 5        | Dịch vụ số hóa tài liệu lưu trữ                      |
| 6        | Dịch vụ bảo quản tài liệu lưu trữ                    |